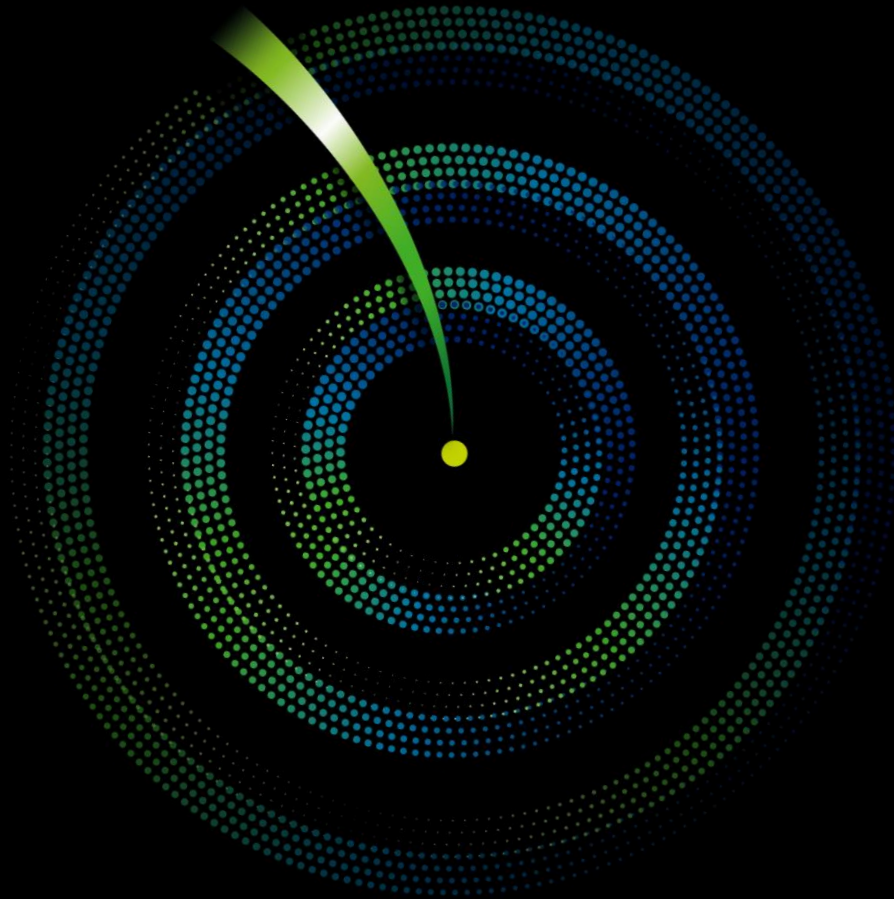


Deloitte.

CHUYÊN ĐỀ THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU

Kỳ 03: Dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết Nghị quyết số 107/2023/QH15

Tháng 11/2024



Ngày 12/11/2024, Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến nội dung Dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết Nghị quyết số 107/2023/QH15 (“**Nghị quyết 107**”) về việc áp dụng thuế Thu nhập doanh nghiệp (“**TNDN**”) bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (“**Dự thảo Nghị định**”), bao gồm các quy định về thuế TNDN bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (“**QDMTT**”) và Tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (“**IIR**”). Dưới đây là cập nhật chi tiết của Deloitte về các nội dung quan trọng của Dự thảo Nghị định.

Tổng quan và nhận định của Deloitte

- Dự thảo Nghị định bao gồm nội dung chính, Phụ lục I về thuật ngữ, Phụ lục II về các yếu tố tính thuế bổ sung và Bộ mẫu biểu kê khai. Nội dung chính của Dự thảo Nghị định được chia thành 3 phần: (i) Quy định chung, (ii) Quy định cụ thể, và (iii) Điều khoản thi hành. **Phần II** của Dự thảo chi tiết các quy định tính thuế bổ sung theo QDMTT tại Chương I và IIR tại Chương II. Đặc biệt, Dự thảo đưa ra các quy định về **QDMTT trước và IIR được tham chiếu theo QDMTT**, khác với hầu hết quy định pháp lý về thuế Tối thiểu toàn cầu (“**Thuế TTTC**”) của các quốc gia khác.
- QDMTT được quy định dựa trên **Quy tắc mẫu của quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (“GloBE”)** và bao gồm một số nội dung trong **Chú giải và Hướng dẫn hành chính** của OECD, nhưng có một số khác biệt về đối tượng áp dụng và các điều chỉnh tính toán, tuy nhiên vẫn đảm bảo nhất quán với nguyên tắc GloBE. Quy định về IIR cũng tương thích với quy định GloBE và được dẫn chiếu từ QDMTT.
- Nếu QDMTT của Việt Nam đáp ứng điều kiện **QDMTT Safe Harbour** (sẽ được công bố bởi OECD/IF sau quy trình tự đánh giá và rà soát đồng cấp), các tập đoàn đa quốc gia có thể được miễn tính toán thuế bổ sung tại công ty mẹ tối cao (“**UPE**”) giúp giảm gánh nặng hành chính và chi phí tuân thủ.
- Về quản lý thuế, thuế bổ sung theo QDMTT và IIR sẽ là **nghĩa vụ mới**, tách biệt với thuế TNDN hiện hành, bao gồm các quy trình đăng ký, kê khai, nộp thuế và thanh, kiểm tra thuế.
- Nội dung của Dự thảo Nghị định rất phức tạp do dựa trên các **chuẩn mực kế toán và thông lệ thuế quốc tế** (ví dụ khái niệm về đơn vị trung chuyển, công ty lưỡng tính, đơn vị đầu tư, v.v.). Ngoài ra, một vài nội dung chưa được hướng dẫn rõ ràng (ví dụ như Điều chỉnh liên quan đến khác biệt trọng yếu về chuẩn mực kế toán trên 75 triệu EUR). Do đó các doanh nghiệp cần phải nắm rõ các yếu tố kỹ thuật cũng như cách thức thu thập đúng và đủ dữ liệu để phục vụ cho mục đích tính toán và kê khai;
- Ngoài ra, Nghị định cũng triển khai chi tiết quy tắc áp dụng các cơ chế **Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn chuyển tiếp**. Vui lòng tham khảo chi tiết tại [Chuyên đề Thuế TTTC Kỳ 01 \(tháng 9/2024\)](#).

Khuyến nghị cho doanh nghiệp

Với quy định về thuế TTTC có hiệu lực từ **năm tài chính 2024**, các doanh nghiệp cần chủ động triển khai nghiên cứu, đánh giá và chuẩn bị cho công tác tuân thủ. Theo đó, Deloitte khuyến nghị lộ trình tuân thủ như sau:

- Xác định phạm vi áp dụng**
 - Rà soát và xác định **tập đoàn có thuộc phạm vi** áp dụng dựa theo ngưỡng doanh thu;
 - Xác định các **đơn vị hợp thành (“ĐVHT”)** tại Việt Nam và các **đối tượng liên quan khác** cho mục đích tính toán thuế suất thực tế và thuế bổ sung.
- Chuẩn bị số liệu báo cáo tài chính và kế toán**
 - Ước tính thuế suất thực tế và thuế bổ sung (nếu có) để **đánh giá tác động** lên kết quả tài chính;
 - Thực hiện **trích lập về kế toán và trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính (“BCTC”)** (nếu được yêu cầu) về tác động của Thuế TTTC lên ĐVHT và Tập đoàn.
- Lập kế hoạch tối ưu**
 - Nghiên cứu các giải pháp để **tối ưu hóa và giảm thiểu ảnh hưởng** (khả năng loại trừ khỏi đối tượng, các lựa chọn tính toán, chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác, v.v.)
 - Rà soát khả năng áp dụng các **cơ chế Giảm trừ trách nhiệm** phù hợp để giảm thiểu gánh nặng tuân thủ.
- Chuẩn bị dữ liệu tính toán và kê khai**
 - Nắm vững quy định để hiểu rõ các **thông tin và dữ liệu** cần thiết cho việc tính toán;
 - Xác định **nguồn dữ liệu và tính phù hợp** của dữ liệu theo các yêu cầu của quy định;
 - Xây dựng **quy trình thu thập dữ liệu** phù hợp với quy mô và nội bộ tập đoàn
- Kê khai và tuân thủ cho năm tài chính đầu tiên**
 - Hiểu rõ các yêu cầu về **thủ tục hành chính** cho mục đích kê khai (**đăng ký mã số thuế, bổ nhiệm ĐVHT kê khai, các hồ sơ chứng từ kèm theo**);
 - Chuẩn bị **nguồn lực (nhân lực chuyên môn, đơn vị tư vấn chuyên nghiệp, ứng dụng giải pháp công nghệ, v.v.)** nhằm hỗ trợ tốt nhất cho quá trình tuân thủ.

Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Cho mục đích tham khảo, không được phân phối hoặc bán

A. So sánh các nội dung chính của QDMTT và IIR

Ngoài các nội dung đã được quy định tại Nghị quyết 107, Dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết các nội dung về QDMTT và IIR theo nguyên tắc của GloBE. Dưới đây là tóm tắt và so sánh các điểm chính của Dự thảo Nghị định đối với các nguyên tắc QDMTT và IIR:



	QDMTT	IIR
Năm tài chính đầu tiên áp dụng	<p>Quy định về thuế TTTC được áp dụng tại Việt Nam từ năm tài chính 2024, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> Năm tài chính có ngày bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2024. Trường hợp ĐVHT áp dụng năm tài chính 2024 theo UPE mà có ngày bắt đầu của năm tài chính trong tháng 12/2023 thì được xác định là năm tài chính 2024 cho mục đích áp dụng thuế TTTC tại Việt Nam. 	
I. Đối tượng áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hợp nhất từ 750 triệu EUR trở lên trong ít nhất 02 trong 04 năm liền kê năm xác định được coi là tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng. Dự thảo Nghị định quy định cách xác định ngưỡng doanh thu trong một số trường hợp đặc biệt theo nguyên tắc GloBE như: tập đoàn đa quốc gia mới thành lập ít hơn 04 năm; tập đoàn đa quốc gia có kỳ kế toán khác 12 tháng; tập đoàn đa quốc gia sau chia tách sáp nhập; v.v. <p>Áp dụng QDMTT đối với các đơn vị cư trú tại Việt Nam của các tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ĐVHT Liên doanh và các công ty con của Liên doanh (<i>JV</i> và <i>JV Subsidiaries</i>) Cơ sở thường trú ("CSTT") 	<ul style="list-style-type: none"> Tập đoàn đa quốc gia có doanh thu hợp nhất từ 750 triệu EUR trở lên trong ít nhất 02 trong 04 năm liền kê năm xác định được coi là tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng. Dự thảo Nghị định quy định cách xác định ngưỡng doanh thu trong một số trường hợp đặc biệt theo nguyên tắc GloBE như: tập đoàn đa quốc gia mới thành lập ít hơn 04 năm; tập đoàn đa quốc gia có kỳ kế toán khác 12 tháng; tập đoàn đa quốc gia sau chia tách sáp nhập; v.v. <p>Áp dụng IIR đối với các đối tượng cư trú ngoài Việt Nam của các tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng có công ty mẹ ở Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> ĐVHT Liên doanh và các công ty con của Liên doanh CSTT Đơn vị đầu tư hoặc Đơn vị đầu tư bảo hiểm (<i>Investment Entities hoặc Insurance Investment Entities</i>)
II. Chuẩn mực kế toán áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> Dựa trên chuẩn mực kế toán dùng để lập BCTC hợp nhất của UPE Năm tài chính xác định theo năm tài chính của UPE Đồng tiền tính toán là đồng tiền để lập BCTC hợp nhất của UPE, áp dụng nguyên tắc quy đổi tỷ giá hối đoái theo chuẩn mực kế toán của UPE 	<ul style="list-style-type: none"> Dựa trên chuẩn mực kế toán dùng để lập BCTC hợp nhất của UPE – Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), và phải điều chỉnh Khác biệt trọng yếu Khác biệt trọng yếu là khác biệt do việc áp dụng một nguyên tắc hoặc một thủ tục cụ thể mà dẫn đến tổng các khoản chênh lệch lớn hơn 75 triệu EUR trong một năm tài chính so với giá trị được xác định khi áp dụng nguyên tắc hoặc thủ tục theo IFRS tương ứng.
III. Nguyên tắc xác định và đánh thuế bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Thuế bổ sung theo QDMTT được đánh trực tiếp lên các đối tượng nêu tại (I), áp dụng đối với toàn bộ thu nhập theo quy định về thuế TTTC, không ảnh hưởng bởi tỷ lệ sở hữu (kể cả đối với Liên doanh và các công ty con của Liên doanh) Tập đoàn đa quốc gia tự quyết định việc phân bổ thuế bổ sung phải nộp theo QDMTT giữa các ĐVHT tại Việt Nam, tuy nhiên cần kê khai thông tin số thuế phân bổ tại tờ khai thuế TNDN bổ sung theo QDMTT. 	<ul style="list-style-type: none"> Thuế bổ sung theo IIR được đánh trên các công ty mẹ tại Việt Nam tương ứng với quyền sở hữu trong các đối tượng tại (I), bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Công ty mẹ tối cao ("UPE") Công ty mẹ bị sở hữu một phần ("POPE") Công ty mẹ trung gian ("IPE") Thu thuế theo nguyên tắc ưu tiên áp dụng "từ cao đến thấp" – "top-down" trong chuỗi sở hữu; Thuế bổ sung của từng ĐVHT được phân bổ theo tỷ lệ thu nhập theo thuế TTTC.



Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Cho mục đích tham khảo, không được phân phối hoặc bán



B. Các nguyên tắc riêng theo QDMTT

Quy định về QDMTT có các nội dung riêng biệt và đặc thù, tuy nhiên về cơ bản **không ảnh hưởng** đến điều chỉnh về tính nhất quán theo nguyên tắc GloBE của OECD. Mặc dù không thể hiện trong Nghị định nhưng theo hướng dẫn hành chính của OECD thì được hiểu nếu QDMTT của Việt Nam được thỏa mãn điều kiện Giảm trừ trách nhiệm đã thực hiện QDMTT (**QDMTT Safe Harbour**) thì tập đoàn đa quốc gia không cần tính lại thuế bổ sung tại Việt Nam khi thực hiện kê khai IIR tại quốc gia của công ty mẹ.



Các đối tượng không áp dụng QDMTT

- ĐVHT và CSTT không xác định được nước nơi cư trú (*Stateless CE* và *Stateless PE*)
- Đơn vị đầu tư hoặc Đơn vị đầu tư bảo hiểm



Các điều chỉnh không áp dụng đối với QDMTT

Không điều chỉnh thu nhập hoặc lỗ theo thuế TTTC đối với:

- Thuế Thu nhập quy về cho chủ sở hữu được hoàn trả không đạt chuẩn (*Disqualified Refundable Imputation Tax*) được trích trước là một khoản chi phí;
- Chuyển nhượng tài sản và nợ theo quy định về Tái cơ cấu theo thuế TTTC (*GloBE Reorganization*)
- Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể được hoàn trả đạt chuẩn ("**QRTC**") và Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường ("**MTTC**")
- Phân bổ tổng thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản tại một nước (*Aggregate Asset Gain*);
- Áp dụng nghiệp vụ kế toán hợp nhất giữa các ĐVHT cư trú tại cùng một nước (*Tax consolidation*)

Không bao gồm trong thuế thuộc phạm vi áp dụng được điều chỉnh:

- Khoản khấu trừ hoặc hoàn thuế liên quan đến QRTC và MTTC mà được ghi nhận là khoản giảm trừ chi phí thuế hiện hành;
- Số thuế thuộc nghĩa vụ thuế của chủ sở hữu theo cơ chế CFC phân bổ cho ĐVHT tại Việt Nam;
- Số thuế thuộc nghĩa vụ thuế của công ty chính phân bổ cho CSTT tại Việt Nam;
- Số thuế thuộc nghĩa vụ thuế của chủ sở hữu công ty lưỡng tính được phân bổ cho công ty lưỡng tính
- Số thuế thuộc nghĩa vụ thuế của chủ sở hữu trực tiếp được phân bổ cho ĐVHT có lợi nhuận phân chia.



Miễn trừ QDMTT đối với tập đoàn đa quốc gia trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư

- **Điều kiện áp dụng:**
 - Tập đoàn đa quốc gia có các ĐVHT tại **không quá 6 nước**;
 - Tổng giá trị sổ sách của tài sản hữu hình của tất cả các ĐVHT tại các nước ngoài nước tham chiếu **không vượt quá 50 triệu EUR**. Giá trị sổ sách của tài sản hữu hình là giá trị trung bình đầu kỳ và cuối kỳ của tài sản hữu hình được ghi nhận trên BCTC (sau khi trừ khấu hao hoặc phân bổ lũy kế, lỗ do suy giảm giá trị).
- **Nước tham chiếu:** là nước có tổng giá trị tài sản hữu hình (của tất cả các ĐVHT cư trú tại nước đó) cao nhất trong năm tài chính đầu tiên tập đoàn thuộc phạm vi áp dụng của thuế TTTC.
- **Thời gian áp dụng:** trong vòng **05 năm** kể từ năm tài chính đầu tiên tập đoàn thuộc phạm vi của thuế TTTC.



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Cho mục đích tham khảo, không được phân phối hoặc bán



C. Các nguyên tắc riêng theo IIR

Nguyên tắc đánh thuế bổ sung

Nguyên tắc “top-down”

Thuế bổ sung được thu theo thứ tự ưu tiên cho các công ty mẹ nằm càng cao trong chuỗi sở hữu, cụ thể như sau:

- **UPE**: nộp thuế trên phần được phân bổ từ thuế bổ sung của ĐVHT chịu thuế thấp;
- **IPE**: nộp thuế trên phần được phân bổ từ thuế bổ sung của ĐVHT chịu thuế thấp, trừ trường hợp UPE đã áp dụng IIR đạt chuẩn hoặc một IPE khác nắm quyền kiểm soát đã áp dụng IIR đạt chuẩn

Nguyên tắc “split-ownership”

- Mặc dù có nguyên tắc “top-down” như trên, **POPE** sẽ nộp thuế trên phần được phân bổ từ thuế bổ sung của ĐVHT chịu thuế thấp, kể cả trong trường hợp UPE áp dụng IIR đạt chuẩn. Trong đó, POPE đã được định nghĩa tại Nghị quyết 107 là công ty mẹ có **hơn 20% quyền hưởng lợi nhuận nắm giữ** bởi đối tượng khác ngoài tập đoàn.
- Nếu POPE được sở hữu 100% bởi 1 POPE khác cũng áp dụng IIR đạt chuẩn, POPE nằm cao hơn trong chuỗi sở hữu sẽ phải nộp thuế bổ sung

Nguyên tắc phân bổ thuế bổ sung

1 **Thuế phân bổ cho công ty mẹ =**
Số thuế bổ sung của ĐVHT chịu thuế thấp (x) **Tỷ lệ phân bổ**

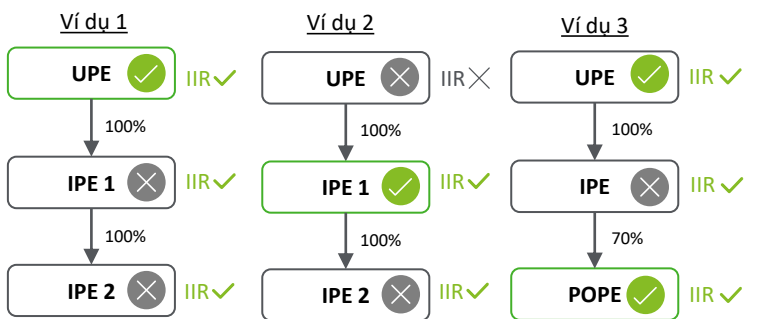
Thu nhập của ĐVHT (-) Thu nhập phân bổ theo quyền sở hữu do các chủ sở hữu khác nắm giữ

2 **Tỷ lệ phân bổ =** $\frac{\text{Thu nhập của ĐVHT}}{\text{Thu nhập của ĐVHT}}$

Nguyên tắc bù trừ

Tất cả các công ty mẹ mà có quyền thu thuế bổ sung của một ĐVHT chịu thuế suất thấp sẽ **giảm trừ** khỏi số thuế phải nộp của mình một khoản tương ứng với số thuế **đã được phân bổ và thu** bởi các công ty mẹ nằm **bên dưới chuỗi sở hữu**.

Ví dụ minh họa:



- ⊗ Không phải nộp thuế bổ sung theo IIR
- ⊗ IIR Quốc gia không áp dụng IIR đạt chuẩn
- ✓ Nộp thuế bổ sung theo IIR
- ✓ IIR Quốc gia áp dụng IIR đạt chuẩn

Ví dụ 1:

- UPE phải nộp thuế bổ sung theo IIR
- Theo nguyên tắc “top-down”, IPE 1 và IPE 2 không phải nộp mặc dù quốc gia của IPE 1 và IPE 2 có áp dụng IIR đạt chuẩn.

Ví dụ 2:

- Vì quốc gia của UPE không áp dụng IIR đạt chuẩn nên IPE sẽ phải nộp.
- Theo nguyên tắc “top-down”, IPE 1 là công ty mẹ ở cao hơn trong sở hữu (kiểm soát IPE 2) nên IPE 2 sẽ không phải nộp mặc dù quốc gia của IPE 2 cũng áp dụng IIR đạt chuẩn.

Ví dụ 3:

- Theo nguyên tắc “split-ownership”, POPE sẽ phải nộp thuế bổ sung theo IIR
- UPE cũng phải nộp thuế bổ sung theo IIR nhưng số thuế bổ sung đã nộp bởi POPE sẽ được bù trừ với số thuế tính bởi UPE.

Giảm trừ trách nhiệm đã thực hiện QDMTT (QDMTT Safe Harbour)

Thuế bổ sung theo IIR của tập đoàn đa quốc gia cho 1 nước **được xác định bằng 0 (không)**, với điều kiện:

- QDMTT tại nước đó đáp ứng các điều kiện về giảm trừ trách nhiệm đã thực hiện QDMTT (**QDMTT Safe Harbour**) theo danh sách do Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu công bố;
- Không áp dụng trong trường hợp tập đoàn đa quốc gia không thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tại nước đó hoặc cơ quan Thuế tại nước đó không thu được QDMTT đối với ĐVHT tại quốc gia đó (**Switch-off rule**)

Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Cho mục đích tham khảo, không được phân phối hoặc bán

D. Xác định thuế suất thực tế

I. Công thức tính thuế suất thực tế

$$\text{Thuế suất thực tế tại một nước} = \frac{\text{A}}{\text{B}}$$

A Tổng số thuế TNDN thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh trong năm tài chính của các ĐVHT tại nước đó

B Thu nhập ròng tại nước đó trong năm tài chính theo quy định về thuế TTTC

Các trường hợp cần tính toán thuế suất thực tế riêng (không tổng hòa với các ĐVHT khác trong một nước):

- Liên doanh và các công ty con của liên doanh (JV và JV Subsidiaries)
- Công ty có UPE là chủ sở hữu thiểu số và các ĐVHT được sở hữu bởi công ty đó (MOCE và Minority-owned Subgroup)
- Đơn vị đầu tư hoặc Đơn vị đầu tư bảo hiểm (Investment Entities hoặc Insurance Investment Entities)
- ĐVHT không xác định nơi cư trú (Stateless CE)

II. Xác định thu nhập hoặc lỗ theo thuế TTTC

Điểm bắt đầu: Thu nhập hoặc lỗ ròng tại BCTC được xác định cho ĐVHT đó trong năm tài chính **TRƯỚC** khi có bất kỳ điều chỉnh hợp nhất nào để loại bỏ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn khi lập BCTC hợp nhất của UPE. Sau đó, thu nhập hoặc lỗ ròng tại BCTC sẽ được phân bổ và điều chỉnh cơ bản như dưới đây để xác định thu nhập hoặc lỗ theo thuế TTTC:

	Trường hợp phân bổ	Nguyên tắc phân bổ
(1) Phân bổ thu nhập giữa các ĐVHT	Giữa công ty chính và CSTT	<ul style="list-style-type: none"> • Thu nhập hoặc lỗ ròng của CSTT được ghi nhận tại các BCTC riêng của CSTT; trường hợp không phải lập BCTC riêng thì xác định như của một đơn vị độc lập theo chuẩn mực kế toán được sử dụng để lập BCTC hợp nhất của UPE; • Thu nhập hoặc lỗ ròng của CSTT không được tính vào thu nhập hoặc lỗ theo Thuế TTTC của công ty chính, trừ trường hợp CSTT có Lỗ theo Thuế TTTC
	Đơn vị trung chuyển	Thu nhập hoặc lỗ ròng của đơn vị trung chuyển được phân bổ lần lượt cho chủ sở hữu không phải là công ty trong tập đoàn đa quốc gia; CSTT của đơn vị đó và chủ sở hữu thuộc tập đoàn hoặc cho chính đơn vị đó.

	Các khoản điều chỉnh chính bắt buộc	Các khoản điều chỉnh bắt buộc khác	Các khoản điều chỉnh theo lựa chọn
(2) Xác định Thu nhập hoặc Lỗ theo thuế TTTC	<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thuế ròng • Cổ tức được loại trừ • Lãi hoặc lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ • Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại • Lãi hoặc lỗ do chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả được loại trừ • Lãi hoặc lỗ về chênh lệch tỷ giá do sử dụng đồng tiền kế toán và đồng tiền tính thuế khác nhau • Các khoản chi phí không được trừ theo quy định • Sai sót của các kỳ trước và những thay đổi về nguyên tắc kế toán • Chi phí hưu trí trích trước của chương trình hưu trí do các quỹ hưu trí cung cấp 	<ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh theo nguyên tắc giá thị trường • Khoản giảm trừ thuế thu nhập được hoàn trả đạt chuẩn (QRTC) và Khoản giảm trừ thuế thu nhập có thể chuyển nhượng theo giá thị trường (MTTC) • Điều chỉnh đối với thỏa thuận tài chính trong nội bộ tập đoàn • Loại trừ khoản thuế của chủ hợp đồng bảo hiểm • Điều chỉnh liên quan vốn cấp một bổ sung và vốn cấp một bị hạn chế của công ty bảo hiểm 	<ul style="list-style-type: none"> • Loại trừ thu nhập liên quan đến khoản xóa nợ • Các khoản chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu (Lựa chọn 5 năm) • Các tài sản và nợ phải trả được hạch toán theo giá trị hợp lý hoặc giá trị suy giảm (Lựa chọn 5 năm) • Phân bổ tổng thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hữu hình là bất động sản (Lựa chọn hằng năm) • Áp dụng nghiệp vụ kế toán hợp nhất giữa các ĐVHT cư trú tại cùng một nước (Lựa chọn 5 năm)

Loại trừ thu nhập từ:

- Vận tải quốc tế (vận chuyển hàng hóa và hành khách bằng tàu, cho thuê tàu, v.v.); và
- Vận tải quốc tế phục vụ đạt chuẩn (cho thuê, lưu container, dịch vụ bảo trì, xử lý hàng hóa, v.v.)

Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Cho mục đích tham khảo, không được phân phối hoặc bán

D. Xác định thuế suất thực tế (tiếp)

III. Xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh

Thuế thuộc phạm vi áp dụng được định nghĩa là:

- ✓ Thuế được ghi trong sổ kế toán của một ĐVHT liên quan đến thu nhập hoặc lợi nhuận, hoặc phần thu nhập hoặc phần lợi nhuận của một ĐVHT khác mà ĐVHT đó nắm giữ quyền sở hữu;
- ✓ Các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như thuế TNDN;
- ✓ Thuế đối với lợi nhuận được chia, các khoản được coi là khoản phân chia lợi nhuận và chi phí không liên quan đến hoạt động kinh doanh được áp dụng theo quy định thuế đối với phân chia thu nhập đạt chuẩn;
- ✓ Thuế áp dụng có xét đến lợi nhuận để lại và vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, bao gồm thuế đánh trên các hạng mục thu nhập và vốn chủ sở hữu.

Sau đó, thuế thuộc phạm vi áp dụng sẽ được phân bổ và điều chỉnh cơ bản như dưới đây để xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh:

(1) Phân bổ Thuế thuộc phạm vi áp dụng	Trường hợp phân bổ	Nguyên tắc phân bổ
	CSTT	Khoản thuế ghi nhận trên sổ kế toán của một ĐVHT liên quan đến thu nhập hoặc lỗ theo thuế TTTC của CSTT được phân bổ cho CSTT đó
	Đơn vị không chịu thuế thu nhập (<i>Tax Transparent Entity</i>)	Khoản thuế ghi nhận tại sổ kế toán của một đơn vị không chịu thuế thu nhập liên quan đến thu nhập hoặc lỗ theo thuế TTTC đã được phân bổ cho chủ sở hữu thì được phân bổ cho chủ sở hữu đó
	ĐVHT có chủ sở hữu phải tuân theo quy định về thuế đối với công ty nước ngoài bị kiểm soát (CFC)	Khoản thuế được ghi nhận tại sổ kế toán của chủ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp của ĐVHT theo CFC trên phần thu nhập của công ty nước ngoài trực thuộc được phân bổ cho ĐVHT đó
	Công ty lưỡng tính (<i>Hybrid Entity</i>)	Khoản thuế đánh trên thu nhập của công ty lưỡng tính được ghi nhận tại sổ kế toán của chủ sở hữu thì được phân bổ cho chính công ty lưỡng tính đó
	Lợi nhuận được chia	Khoản thuế ghi nhận trên sổ kế toán của các chủ sở hữu trực tiếp liên quan đến phần lợi nhuận được chia từ ĐVHT được phân bổ cho ĐVHT có lợi nhuận phân chia.

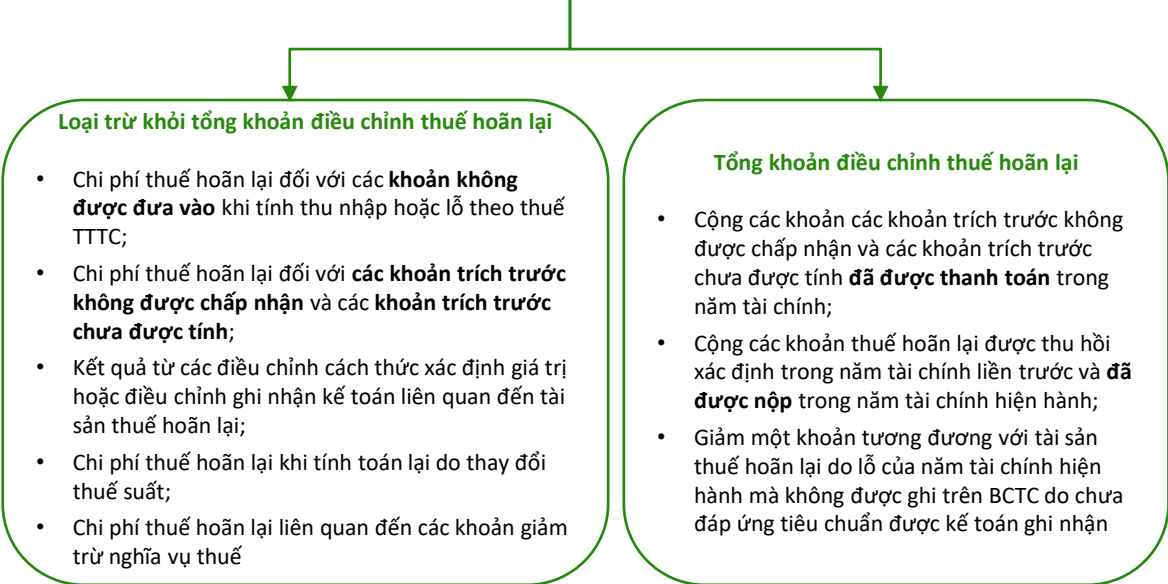
(2) Điều chỉnh Thuế thuộc phạm vi áp dụng	+	Điều chỉnh cộng	-	Điều chỉnh trừ
		<ul style="list-style-type: none"> • Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hạch toán là chi phí; • Khoản tài sản thuế hoãn lại do lỗ theo thuế TTTC được sử dụng; • Khoản khấu trừ hoặc hoàn thuế liên quan đến QRTC và MTTC; • Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được nộp trong năm tài chính liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn mà đã được loại trừ khỏi thuế thuộc phạm vi áp dụng của năm tài chính trước 		<ul style="list-style-type: none"> • Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập không được đưa vào khi tính thu nhập hoặc lỗ theo thuế TTTC; • Khoản giảm trừ hoặc hoàn trả thuế, trừ QRTC và MTTC mà không được ghi nhận là một khoản giảm chi phí thuế hiện hành; • Khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng được hoàn trả hoặc giảm trừ, trừ QRTC và MTTC đã không được ghi nhận là khoản điều chỉnh chi phí thuế hiện hành; • Khoản chi phí thuế hiện hành liên quan đến nghiệp vụ thuế không chắc chắn; • Khoản chi phí thuế hiện hành dự kiến không được thanh toán trong vòng ba năm

D. Xác định thuế suất thực tế (tiếp)

III. Xác định thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh (tiếp)

(3)
Điều chỉnh để xử lý các khoản chênh lệch tạm thời (Thuế hoãn lại)

- Chi phí thuế hoãn lại được ghi nhận trong thu nhập hoặc lỗ trên BCTC của ĐVHT. Trường hợp thuế suất áp dụng cao hơn 15% thì chi phí thuế hoãn lại đó phải được **tính lại ở mức 15% (Recast rule)**
- Trường hợp tài sản thuế hoãn lại **phát sinh do lỗ theo thuế TTTC** đang được ghi nhận ở mức thấp hơn 15% thì có thể **lựa chọn để tính lại ở mức 15%**



- Loại trừ khỏi tổng khoản điều chỉnh thuế hoãn lại**
- Chi phí thuế hoãn lại đối với các **khoản không được đưa vào** khi tính thu nhập hoặc lỗ theo thuế TTTC;
 - Chi phí thuế hoãn lại đối với **các khoản trích trước không được chấp nhận** và các **khoản trích trước chưa được tính**;
 - Kết quả từ các điều chỉnh cách thức xác định giá trị hoặc điều chỉnh ghi nhận kế toán liên quan đến tài sản thuế hoãn lại;
 - Chi phí thuế hoãn lại khi tính toán lại do thay đổi thuế suất;
 - Chi phí thuế hoãn lại liên quan đến các khoản giảm trừ nghĩa vụ thuế

- Tổng khoản điều chỉnh thuế hoãn lại**
- Cộng các khoản các khoản trích trước không được chấp nhận và các khoản trích trước chưa được tính **đã được thanh toán** trong năm tài chính;
 - Cộng các khoản thuế hoãn lại được thu hồi xác định trong năm tài chính liền trước và **đã được nộp** trong năm tài chính hiện hành;
 - Giảm một khoản tương đương với tài sản thuế hoãn lại do lỗ của năm tài chính hiện hành mà không được ghi trên BCTC do chưa đáp ứng tiêu chuẩn được kế toán ghi nhận

(4)
Xử lý các khoản thuế hoãn lại trong thời gian chuyển tiếp

- Các khoản **tài sản thuế hoãn lại** và **thuế hoãn lại phải trả** được ghi nhận trong BCTC của các ĐVHT trong **năm chuyển tiếp (năm tài chính đầu tiên tập đoàn đa quốc gia thuộc phạm vi áp dụng)** được tính vào khi xác định thuế suất thực tế trong năm chuyển tiếp và các năm tiếp theo.
- Một số nguyên tắc cần lưu ý:
- ✓ Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả bao gồm các khoản **lỗ chưa được ghi nhận trên sổ kế toán**;
 - ✓ Trường hợp các khoản **tài sản thuế hoãn lại** và **thuế hoãn lại phải trả** được ghi nhận ở mức thuế suất **cao hơn 15%** thì phải được **tính lại ở mức 15%**;
 - ✓ Trường hợp **tài sản thuế hoãn lại** phát sinh do lỗ theo thuế TTTC được ghi nhận ở mức thuế suất thấp hơn 15% thì có thể được lựa chọn để **tính lại ở mức 15%**

(5)
Điều chỉnh sau khi kê khai và do thay đổi thuế suất TNDN

- Điều chỉnh phát sinh sau khi kê khai QDMTT/IIR của kỳ trước
- Chi phí thuế hoãn lại do thay đổi thuế suất áp dụng (*)
- Chi phí thuế hiện hành chưa nộp trong vòng 03 năm (**)

- Nguyên tắc chung:**
- Điều chỉnh làm **tăng** thuế thuộc phạm vi áp dụng: Điều chỉnh vào **kỳ hiện tại**
 - Điều chỉnh làm **giảm** thuế thuộc phạm vi áp dụng một khoản **không trọng yếu (***)**: Thực hiện lựa chọn theo năm để điều chỉnh vào **kỳ hiện tại**
 - Điều chỉnh làm **giảm** thuế thuộc phạm vi áp dụng một khoản **trọng yếu (***)**: Tính lại thuế suất thực tế và thuế bổ sung của **kỳ trước**; nếu phát sinh thêm thuế bổ sung thì nộp vào kỳ hiện tại.

(*) Chỉ phát sinh trong trường hợp tăng thuế suất từ thuế suất cũ dưới 15% hoặc giảm thuế suất xuống thuế suất mới dưới 15%
 (**) Chỉ phát sinh nếu số thuế trích trước lớn hơn 1 triệu EUR / 1 ĐVHT
 (***) Mức trọng yếu được xác định là 1 triệu EUR / 1 quốc gia



E. Xác định thuế bổ sung

I. Công thức tính thuế bổ sung

$$\text{Thuế bổ sung} = \left[\text{Tỷ lệ thuế bổ sung} \times \text{Lợi nhuận tính thuế bổ sung} \right] + \text{Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành} - \text{Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) (*)}$$

(*) Không áp dụng trong công thức tính thuế bổ sung theo QDMTT

Lợi nhuận tính thuế bổ sung = Thu nhập ròng theo thuế TTTC – Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo thuế TTTC

II. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ

(1) Khoản giảm trừ về tiền lương



Bao gồm:

- Các khoản chi trả cho người làm công (bao gồm tiền lương, tiền công và chi khác dưới hình thức các khoản phúc lợi trực tiếp và riêng biệt cho cá nhân người làm công, như bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp lương hưu, chi phí phát sinh chi trả cho người làm công dựa trên cổ phiếu);
- Các khoản thuế trên thu nhập từ việc làm do người sử dụng lao động phải chịu;
- Các khoản đóng góp an sinh xã hội của người sử dụng lao động



Không bao gồm:

- Chi phí được vốn hóa vào giá trị còn lại ghi sổ của tài sản hữu hình hợp lệ;
- Chi phí được phân bổ tương ứng với thu nhập vận tải quốc tế và thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn.

(2) Khoản giảm trừ về tài sản hữu hình



Bao gồm:

- Tài sản, nhà xưởng và thiết bị;
- Tài nguyên thiên nhiên;
- Quyền sử dụng tài sản cố định hữu hình của bên đi thuê;
- Giấy phép hoặc thỏa thuận tương đương với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được sử dụng bất động sản hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên mà cần đầu tư đáng kể vào các tài sản hữu hình đó.



Không bao gồm:

- Tài sản được giữ để bán, cho thuê hoặc đầu tư;
- Tài sản được sử dụng để tạo ra thu nhập vận tải quốc tế và thu nhập vận tải quốc tế phụ trợ đạt chuẩn;
- Giá trị tài sản tăng và giá trị khấu hao tăng do áp dụng mô hình đánh giá lại.

Cơ sở tính toán: Giá trị còn lại ghi sổ bình quân của tài sản hữu hình hợp lệ tại thời điểm đầu và cuối năm tài chính

- Giá trị ghi sổ còn lại = Nguyên giá – Khấu hao hoặc phân bổ lũy kế, lỗi do suy giảm giá trị
- Dựa trên Giá trị còn lại ghi sổ SAU khi thực hiện các khoản điều chỉnh kế toán theo giá mua và các điều chỉnh loại trừ liên quan việc mua bán giữa các công ty thuộc Tập đoàn

III. Thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành

Bao gồm số tiền thuế bổ sung phát sinh trong các trường hợp:

- Phải tính toán lại thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó; hoặc
- Trong năm tài chính không có thu nhập ròng theo thuế TTTC tại một nước, mà thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến.

(Số thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh theo dự kiến = Thu nhập hoặc lỗ theo thuế TTTC x 15%)

Liên hệ





Website: deloitte.com/vn

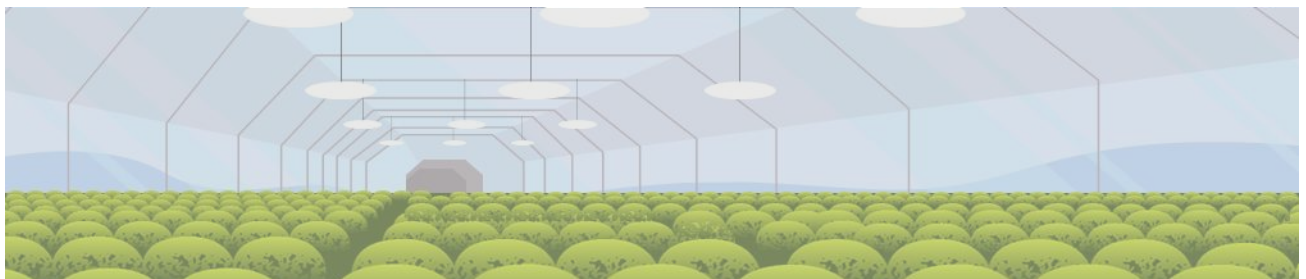
Email: deloittevietnam@deloitte.com

Cho mục đích tham khảo, không được phân phối hoặc bán

F. kê khai, nộp thuế và quản lý thuế

I. Đăng ký và kê khai thuế

	<p>Thông báo ĐVHT chịu trách nhiệm kê khai 30 ngày kể từ kết thúc năm tài chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn 1 ĐVHT tại Việt Nam, UPE hoặc ĐVHT tại Việt Nam gửi thông báo chỉ định ĐVHT chịu trách nhiệm kê khai. Việc chỉ định cần thực hiện riêng đối với từng Liên doanh, MOCE và Minority-owned Subgroup. Trường hợp không có thông báo, cơ quan Thuế chỉ định như sau: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Với QDMTT: ĐVHT có giá trị tổng tài sản lớn nhất trên BCTC năm gần nhất; ✓ Với IIR: UPE hoặc POPE hoặc IPE tại Việt Nam 																					
	<p>Đăng ký thuế 90 ngày kể từ kết thúc năm tài chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> ĐVHT chịu trách nhiệm kê khai nộp hồ sơ đăng ký thuế đến cơ quan Thuế . Trường hợp thay đổi ĐVHT chịu trách nhiệm kê khai: ĐVHT mới tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cấp và kế thừa nghĩa vụ thuế của ĐVHT trước đó 																					
	<p>Thông báo danh sách các ĐVHT 9 tháng kể từ kết thúc năm tài chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> ĐVHT chịu trách nhiệm kê khai gửi thông báo danh sách các ĐVHT đến cơ quan Thuế . Trường hợp có thay đổi, thông báo lại cho cơ quan Thuế chậm nhất trước ngày hết hạn nộp Tờ khai thông tin, Tờ khai thuế TNDN bổ sung theo thuế TTTC 																					
	<p>Kê khai thuế</p> <ul style="list-style-type: none"> QDMTT: 12 tháng kể từ kết thúc năm tài chính IIR: 15 tháng kể từ kết thúc năm tài chính (18 tháng đối với năm đầu tiên) 	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Hồ sơ khai thuế bao gồm:</th> <th>QDMTT</th> <th>IIR</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tờ khai thông tin theo quy định về thuế TTTC</td> <td>✓</td> <td>✓</td> </tr> <tr> <td>Tờ khai thuế TNDN bổ sung</td> <td>✓</td> <td>✓</td> </tr> <tr> <td>Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính</td> <td>✓</td> <td>✓</td> </tr> <tr> <td>Tờ khai thông tin theo quy định về thuế TTTC của UPE (*)</td> <td>✓</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Báo cáo số liệu tài chính từng ĐVHT sử dụng cho mục đích lập BCTC hợp nhất của UPE</td> <td>✓</td> <td>✓</td> </tr> <tr> <td>BCTC hợp nhất của UPE</td> <td></td> <td>✓</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Không phải nộp trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tập đoàn đa quốc gia không phải nộp tờ khai này ở bất kỳ quốc gia nào; Tờ khai này đã được nộp bởi UPE hoặc ĐVHT khác tại nước có Hiệp định về trao đổi thông tin theo quy định về thuế TTTC với Việt Nam. Trường hợp này cần thông báo cho cơ quan Thuế về đơn vị đã nộp tờ khai và quốc gia nơi đơn vị đó cư trú. 	Hồ sơ khai thuế bao gồm:	QDMTT	IIR	Tờ khai thông tin theo quy định về thuế TTTC	✓	✓	Tờ khai thuế TNDN bổ sung	✓	✓	Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính	✓	✓	Tờ khai thông tin theo quy định về thuế TTTC của UPE (*)	✓		Báo cáo số liệu tài chính từng ĐVHT sử dụng cho mục đích lập BCTC hợp nhất của UPE	✓	✓	BCTC hợp nhất của UPE		✓
Hồ sơ khai thuế bao gồm:	QDMTT	IIR																					
Tờ khai thông tin theo quy định về thuế TTTC	✓	✓																					
Tờ khai thuế TNDN bổ sung	✓	✓																					
Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính	✓	✓																					
Tờ khai thông tin theo quy định về thuế TTTC của UPE (*)	✓																						
Báo cáo số liệu tài chính từng ĐVHT sử dụng cho mục đích lập BCTC hợp nhất của UPE	✓	✓																					
BCTC hợp nhất của UPE		✓																					



F. Kê khai, nộp thuế và quản lý thuế (tiếp)

II. Đồng tiền khai và nộp thuế

- Đối với tờ khai thông tin, bản thuyết minh chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính: đồng tiền được sử dụng **lập BCTC hợp nhất** của UPE;
- Đối với tờ khai thuế TNDN bổ sung, nộp thuế:
 - ✓ Đồng Việt Nam;
 - ✓ Trường hợp thuế bổ sung phải nộp trên tờ khai thông tin theo được trình bày bằng đồng tiền sử dụng lập BCTC hợp nhất của UPE (khác đồng Việt Nam): được lựa chọn khai bằng đồng ngoại tệ hoặc quy đổi ra đồng Việt Nam (theo tỷ giá trung bình tháng 12 năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế)

III. Tỷ giá hối đoái

Cho mục đích quy đổi các ngưỡng doanh thu, thu nhập và các ngưỡng tiền tệ có liên quan theo thuế TTTC:

- Nếu đồng tiền sử dụng trên BCTC hợp nhất của UPE là **đồng Việt Nam**: tỷ giá ngoại tệ sử dụng là trung bình tỷ giá trung tâm hoặc trung bình tỷ giá tính chéo của **tháng 12 năm liền kề trước** năm phát sinh doanh thu, thu nhập, do **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** công bố.
- Nếu đồng tiền sử dụng trên BCTC hợp nhất của UPE là **đồng ngoại tệ**: tỷ giá ngoại tệ sử dụng là trung bình tỷ giá của **tháng 12 năm liền kề trước** năm phát sinh doanh thu, thu nhập, do **Ngân hàng trung ương Châu Âu ("ECB")** công bố.
- Nếu ECB không công bố tỷ giá quy đổi đối với đồng tiền sử dụng trên BCTC hợp nhất của UPE: tỷ giá ngoại tệ sử dụng là trung bình tỷ giá của **tháng 12 năm liền kề trước** năm phát sinh doanh thu, thu nhập, do **Ngân hàng Nhà nước tại quốc gia UPE** công bố.

IV. Xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong giai đoạn chuyển tiếp

Trong giai đoạn chuyển tiếp (áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc trước ngày 31/12/2026 nhưng không bao gồm năm tài chính kết thúc sau ngày 30/6/2028), **không xử phạt vi phạm hành chính** về thuế đối với các hành vi vi phạm hành chính sau:

- Đăng ký thuế; gửi thông báo chỉ định ĐVHT chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế bổ sung quá thời hạn quy định đến 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định;
- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế quá thời hạn quy định nhưng không làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế;
- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế quá thời hạn quy định đến 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định, làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế;
- Khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp;
- Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định đến 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định;
- Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;
- Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên, có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách Nhà nước trước thời điểm cơ quan Thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan Thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.
- Khai sai căn cứ tính thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và người nộp thuế đã tự giác nộp đủ số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp vào ngân sách Nhà nước trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Cho mục đích tham khảo, không được phân phối hoặc bán

Liên hệ với chúng tôi



Bùi Tuấn Minh
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách
+84 24 7105 0022
mbui@deloitte.com



Thomas McClelland
Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4333
tmcclelland@deloitte.com



Bùi Ngọc Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0021
tbui@deloitte.com



Phan Vũ Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4345
hoangphan@deloitte.com



Đinh Mai Hạnh
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0050
handin@deloitte.com



Võ Hiệp Vân An
Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4444
avo@deloitte.com



Vũ Thu Nga
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0023
ngavu@deloitte.com



Tất Hồng Quân
Phó Tổng giám đốc
+84 28 7101 4341
quantat@deloitte.com



Vũ Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 710 50024
hatvu@deloitte.com



Đặng Mai Kim Ngân
Phó Tổng Giám đốc
+84 28 710 14351
ngandang@deloitte.com



Trần Quốc Thắng
Phó Tổng Giám đốc
+84 28 710 14323
qthang@deloitte.com



Phạm Quỳnh Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 710 50070
ngocpham@deloitte.com

Văn phòng

Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội
Tel: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750

Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Cho mục đích tham khảo, không được phân phối hoặc bán

Deloitte.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Bengaluru, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Mumbai, New Delhi, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chi nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung và nhằm mục đích tham khảo, do vậy, không một hãng DTTL, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Tài liệu này không cấu thành ý kiến tư vấn đối với người đọc và sẽ không ảnh hưởng đến các ý kiến tư vấn khác do bất kỳ nhân viên của Tổ chức Deloitte cung cấp. Những thông tin thể hiện trong tài liệu này không áp dụng đối với các trường hợp riêng biệt của doanh nghiệp. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào.